

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2017

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Xuân Thọ
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

Số: 2.0065/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1
Người được ủy quyền



Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4918-2019-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VĨ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371,253,831,671	348,915,978,513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,523,473,029	446,301,484
1. Tiền	111		2,523,473,029	446,301,484
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241,242,400,380	236,164,557,660
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	240,249,278,099	229,227,490,272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	233,800,725	20,685,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	877,636,075	6,999,202,551
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(118,314,519)	(82,820,163)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		125,927,764,378	109,768,729,289
1. Hàng tồn kho	141	V.6	125,927,764,378	109,768,729,289
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,560,193,884	2,536,390,080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1,532,914,625	1,412,372,532
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	972,466,548
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	27,279,259	151,551,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88,228,514,677	85,056,611,250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84,329,711,928	81,390,385,179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	84,329,711,928	81,390,385,179
- Nguyên giá	222		288,167,095,890	268,831,963,453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203,837,383,962)	(187,441,578,274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,898,802,749	3,666,226,071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3,898,802,749	3,666,226,071
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459,482,346,348	433,972,589,763

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		309,295,748,754	291,756,457,391
I. Nợ ngắn hạn	310		305,248,306,342	284,764,433,520
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	103,697,490,949	127,717,939,280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	828,819,347	1,437,626,220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4,022,841,971	4,448,837,242
4. Phải trả người lao động	314		26,117,427,801	28,379,522,569
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2,832,014,050	2,482,552,631
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1,569,217,319	1,370,147,400
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	165,708,583,734	118,922,450,478
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	471,911,171	5,357,700
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,047,442,412	6,992,023,871
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	4,035,539,468	6,980,120,927
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11,902,944	11,902,944

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150,186,597,594	142,216,132,372
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	150,186,597,594	142,216,132,372
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74,999,720,000	74,999,720,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74,999,720,000	74,999,720,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,449,994,545	1,449,994,545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120,000)	(120,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46,475,296,752	37,654,468,404
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,261,706,297	28,112,069,423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	28,112,069,423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27,261,706,297	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459,482,346,348	433,972,589,763

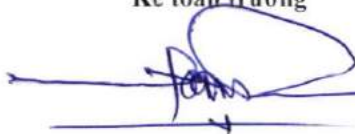
Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Quê Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	995,451,464,436	1,026,871,148,582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	934,735,140	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		994,516,729,296	1,026,871,148,582
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	901,902,972,399	940,398,606,019
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92,613,756,897	86,472,542,563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4,544,145,083	2,721,438,856
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13,984,261,231	12,385,842,770
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,288,076,210	10,907,641,077
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29,101,657,865	23,459,225,188
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,524,153,559	17,832,407,486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,547,829,326	35,516,505,975
11. Thu nhập khác	31	VI.8	83,802,682	70,328,425
12. Chi phí khác	32	VI.9	274,328,161	300,277,575
13. Lợi nhuận khác	40		(190,525,479)	(229,949,150)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,357,303,846	35,286,556,826
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	8,095,597,549	7,174,487,403
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27,261,706,297	28,112,069,423
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2,886	2,976
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2,886	2,976

Người lập biểu



Trần Thị Quê Lâm

Kê toán trưởng



Phan Văn Toàn

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,033,897,023,823	1,079,984,453,519
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(898,951,411,295)	(861,695,731,867)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(116,725,227,408)	(107,880,269,474)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11,182,527,288)	(10,955,952,451)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(9,197,282,965)	(4,388,428,780)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19,646,369,632	901,636,874
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28,208,514,797)	(57,485,133,663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,721,570,298)	38,480,574,158
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20,805,236,626)	(774,505,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		443,252,436	4,682,192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,361,984,190)	(769,823,263)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO VÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

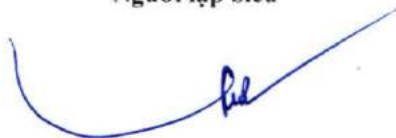
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	965,775,524,573	908,105,507,714
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(919,114,565,896)	(934,806,320,827)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	(13,499,928,000)	(13,499,820,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33,161,030,677	(40,200,633,113)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,077,476,189	(2,489,882,218)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	446,301,484	2,936,211,418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(304,644)	(27,716)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2,523,473,029	446,301,484

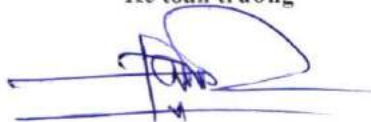
Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Quê Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 1.010 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.036 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Tài sản cố định khác

Số năm

03 – 15

03 – 10

03 – 06

03 – 05

02

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	82.667.703	214.751.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.440.805.326	231.550.445
Cộng	2.523.473.029	446.301.484

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	512.523.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	-	512.523.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	240.249.278.099	228.714.967.272
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng mai	35.616.358.486	37.109.728.106
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	33.961.841.818	30.093.675.904
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	25.625.776.190	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	20.015.997.480	23.268.850.000
Các khách hàng khác	125.029.304.125	138.242.713.262
Cộng	240.249.278.099	229.227.490.272

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	177.874.725	20.685.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường	47.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ 3A	8.926.000	-
Cộng	233.800.725	20.685.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi	-	-	151.900.001	-
Tạm ứng	76.396.002	-	38.812.063	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	6.000.000.000	-
Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn	756.588.073	-	808.490.487	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	44.652.000	-	-	-
Cộng	877.636.075	-	6.999.202.551	-

5. Nợ xấu

Là khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống về tiền hàng, khoản nợ này quá hạn trên 3 năm, giá gốc là 118.314.519 đồng, đã trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	174.900.000		-	
Nguyên liệu, vật liệu	55.548.882.609	-	48.684.329.930	-
Công cụ, dụng cụ	5.995.052.617	-	6.485.672.354	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.336.515.855	-	40.936.061.337	-
Thành phẩm	12.872.413.298	-	9.690.084.723	-
Hàng gửi đi bán	-	-	3.972.580.944	-
Cộng	125.927.764.378	-	109.768.729.289	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	982.782.185	1.026.175.373
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	295.529.750	201.286.500
Chi phí bảo hiểm	208.769.357	184.910.659
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.833.334	-
Cộng	1.532.914.625	1.412.372.532

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	937.790.466	788.602.229
Chi phí thuê đất (*)	2.483.297.594	2.593.259.111
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	445.131.356	263.184.731
Các chi phí trả trước dài hạn khác	32.583.333	21.180.000
Cộng	3.898.802.749	3.666.226.071

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINHĐịa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.212.577.085	197.977.176.427	13.815.162.798	776.757.143	50.290.000	268.831.963.453
Mua trong năm	903.522.429	19.584.750.060	-	-	-	20.488.272.489
Thanh lý, nhượng bán	-	(736.718.525)	(416.421.527)	-	-	(1.153.140.052)
Số cuối năm	57.116.099.514	216.825.207.962	13.398.741.271	776.757.143	50.290.000	288.167.095.890
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.919.377.592	73.161.888.563	9.858.895.817	776.757.143	50.290.000	109.767.209.115
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	40.182.954.433	133.563.967.583	12.867.609.115	776.757.143	50.290.000	187.441.578.274
Khấu hao trong năm	3.256.503.666	13.628.620.894	663.821.180	-	-	17.548.945.740
Thanh lý, nhượng bán	-	(736.718.525)	(416.421.527)	-	-	(1.153.140.052)
Số cuối năm	43.439.458.099	146.455.869.952	13.115.008.768	776.757.143	50.290.000	203.837.383.962
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.029.622.653	64.413.208.843	947.553.684	-	-	81.390.385.179
Số cuối năm	13.676.641.416	70.369.338.008	283.732.504	-	-	84.329.711.928
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 36.249.756.521 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	406.884.000	5.225.100.000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	4.692.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	406.884.000	532.500.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	103.290.606.949	122.492.839.280
Công ty TNHH Đông á Bắc Ninh	19.106.942.420	21.587.982.430
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	8.316.000.000	20.368.000.000
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	27.306.000.000	21.162.400.003
Công ty TNHH Minh Hoàng	9.053.989.981	8.907.327.735
Công ty TNHH Thành Dũng	11.379.303.496	8.879.556.180
Các nhà cung cấp khác	28.128.371.052	41.587.572.932
Cộng	103.697.490.949	127.717.939.280

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
PNG Taiheiyō Cement Ltd	-	444.920.000
Vienovo Philippines Inc	465.800.000	-
T Yingseng Co., Ltd	281.280.000	-
Các khách hàng khác	81.739.347	992.706.220
Cộng	828.819.347	1.437.626.220

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa			510.016.363	-	510.016.363	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.381.979.164	(10.381.979.164)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu			38.795.947	(38.795.947)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.430.955.707	-	8.095.597.549	(9.197.282.965)	3.329.270.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.881.535	-	1.473.063.003	(1.307.389.221)	183.555.317	-
Tiền thuê đất	-	151.551.000	476.287.818	(352.016.077)	-	27.279.259
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	4.448.837.242	151.551.000	20.979.739.844	(21.281.463.374)	4.022.841.971	27.279.259

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.357.195.847	35.286.556.826
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	606.814.089	585.880.190
- Các khoản điều chỉnh giảm	645.236.180	596.244.306
	(38.422.091)	(10.364.116)
Thu nhập tính thuế	35.964.009.937	35.872.437.016
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.192.801.987	7.174.487.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo biên bản thanh tra thuế	902.795.562	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.095.597.549	7.174.487.403

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế là 505.170.000 VND/năm cho diện tích 11.794,5 m². Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép, lương lễ, lương làm thêm giờ và lương năng suất	2.598.459.994	2.355.157.659
Chi phí lãi vay phải trả	188.554.056	82.394.972
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	45.000.000	45.000.000
Cộng	2.832.014.050	2.482.552.631

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	104.956.560	113.508.576
Phụ cấp HĐQT, BKS	104.956.560	113.508.576
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.464.260.759	1.256.638.824
Kinh phí công đoàn	1.271.870.759	1.254.220.802
Bảo hiểm xã hội	-	2.418.022
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	192.390.000	-
Cộng	1.569.217.319	1.370.147.400

14. Vay ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	140.653.914.370	83.770.031.114
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	72.114.405.666	23.827.021.774
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	45.736.340.504	53.489.659.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.803.168.200	6.453.350.000
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	14.192.000.000	31.842.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V14b)	10.862.669.364	3.310.419.364
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An	2.128.019.364	2.128.019.364
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	7.552.250.000	-
Cộng	165.708.583.734	118.922.450.478

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 4 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản một số máy móc thiết bị và đảm bảo bằng các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn cho vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	83.770.031.114	31.842.000.000	3.310.419.364	118.922.450.478
Số tiền vay phát sinh trong năm	935.725.971.629	12.150.000.000	-	947.875.971.629
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	10.862.669.364	10.862.669.364
Số tiền vay đã trả trong năm	(877.259.247.733)	(29.800.000.000)	(3.310.419.364)	(910.369.667.097)
Chênh lệch do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(133.616.401)	-	-	(133.616.401)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	(1.449.224.239)	-	-	(1.449.224.239)
Cộng	140.653.914.370	14.192.000.000	10.862.669.364	165.708.583.734

14b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	2.069.200.000	3.251.600.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	1.600.501.563	3.728.520.927
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	365.837.905	-
Cộng	4.035.539.468	6.980.120.927

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua máy móc thiết bị với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để mua tài sản cố định với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh ("Vietin Bank") để mua máy móc thiết bị sản xuất bao bì dán đáy với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp.
- Theo văn bản thỏa thuận số 01/VBTT ngày 01/07/2021, Vietin Bank đã thanh toán giá trị máy móc thiết bị trên theo hình thức thanh toán quốc tế Upas L/C, số tiền 684.320 EUR, mức phí phát hành L/C 2%, phí tài trợ Upas L/C 2,2%. Sau 5 tháng kể từ ngày Vietin Bank giải ngân theo hình thức Upas L/C, Công ty sẽ nhận nợ vay với Vietin Bank tương ứng từng đợt giải ngân.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	10.862.669.364	3.310.419.364
Trên 1 năm đến 5 năm	4.035.539.468	6.980.120.927
Cộng	14.898.208.832	10.290.540.291

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.980.120.927	12.626.933.966
Số tiền vay phát sinh	17.899.552.944	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(10.862.669.364)	(3.991.603.357)
Số tiền vay đã trả trong năm	(8.744.898.799)	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	(1.236.566.240)	-
Số cuối năm	4.035.539.468	8.635.330.609

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.357.700	1.405.603.471	(939.050.000)	471.911.171
Quỹ phúc lợi	(808.490.487)	4.216.702.414	(4.164.800.000)	(756.588.073)
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	169.007.190	(169.007.190)	-
Cộng	(803.132.787)	5.791.313.075	(5.272.857.190)	(284.676.902)

Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.4)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	29.364.244.491	27.668.889.439	133.482.728.475
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	28.112.069.423	28.112.069.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.290.223.913	(8.290.223.913)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.667.627.776)	(5.667.627.776)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.820.000)	(13.499.820.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(211.217.750)	(211.217.750)
Số dư cuối năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	27.261.706.297	27.261.706.297
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.820.828.348	(8.820.828.348)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.622.305.885)	(5.622.305.885)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(169.007.190)	(169.007.190)
Số dư cuối năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.210.000	10.647.210.000
Cộng	74.999.720.000	74.999.720.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	: 13.499.820.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.820.828.348
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.405.603.471
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.216.702.414
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	: 169.007.190

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 14.603,19 USD (số đầu năm là 1.846,18 USD).

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	36.853.363.126	86.498.461.153
Doanh thu bán thành phẩm và nửa thành phẩm	958.598.101.310	940.372.687.429
Cộng	995.451.464.436	1.026.871.148.582

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần An Tiến Industries		
Doanh thu bán thành phẩm	451.520.000	735.100.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh		
Doanh thu bán thành phẩm	2.220.318.200	910.080.000
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh		
Doanh thu bán thành phẩm	-	186.732.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã bán	34.939.291.137	82.296.399.644
Giá vốn của thành phẩm, nửa thành phẩm đã bán	866.963.681.262	858.102.206.375
Cộng	901.902.972.399	940.398.606.019

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	149.252.437	4.682.192
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	142.099.998	151.900.001
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.252.792.648	2.564.856.663
Cộng	4.544.145.083	2.721.438.856

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.288.076.210	10.907.641.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.114.827.927	1.034.276.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	92.723.970	260.967.895
Phí Upas L/C	98.634.844	126.751.819
Chi phí tài chính khác	389.998.280	56.205.287
Cộng	13.984.261.231	12.385.842.770

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.416.162.342	1.438.551.160
Chi phí vật liệu, bao bì	3.624.488.929	2.343.041.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.827.750	340.490.622
Chi phí vận chuyển	20.762.040.856	17.287.579.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.550.316.198	1.358.734.876
Các chi phí khác	1.409.821.790	690.828.056
Cộng	29.101.657.865	23.459.225.188

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.969.844.952	8.711.520.361
Chi phí vật liệu quản lý	702.074.659	361.335.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	343.703.997	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.719.992	294.328.887
Thuế, phí và lệ phí	7.961.581	474.633.984
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	35.494.356	(248.514.997)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	874.450.181	840.569.718
Các chi phí khác	7.347.903.841	7.398.534.520
Cộng	18.524.153.559	17.832.407.486

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	78.000.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	46.907.850
Thu nhập khác	5.802.682	23.420.575
Cộng	83.802.682	70.328.425

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vô bao hàng rách vỡ	165.883.310	236.089.357
Thuế bị phạt	108.436.580	2.256.602
Chi phí dừng dự án NM 04	-	20.700.000
Chi phí khác	8.271	41.231.615
Cộng	274.328.161	300.277.575

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.261.706.298	28.112.069.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành quản lý (*)	(5.616.131.412)	(5.791.313.075)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.645.574.886	22.320.756.348
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.886	2.976

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm nay được tạm tính căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm năm trước tăng từ 2.625 VND lên 2.976 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	707.977.185.514	649.758.009.204
Chi phí nhân công	134.913.900.446	131.814.762.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.548.945.740	17.965.182.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.724.939.748	63.480.138.054
Chi phí khác	11.143.664.386	9.989.781.063
Cộng	924.308.635.834	873.007.873.685

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao, thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	76.377.600	76.377.600
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/ Giám đốc	374.400.000	57.283.200	431.683.200
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	297.360.000	57.283.200	354.643.200
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	57.283.200	57.283.200
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên HĐQT	-	57.283.200	57.283.200
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	328.440.000
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	54.740.000	-	54.740.000
Ban kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	297.360.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	45.496.080	45.496.080
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	45.496.080	45.496.080
Cộng		1.352.300.000	396.502.560	1.748.802.560

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao, thưởng	Cộng thu nhập
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	78.024.960	78.024.960
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/ Giám đốc	374.400.000	58.518.720	432.918.720
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	297.360.000	58.518.720	355.878.720
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	58.518.720	58.518.720
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên HĐQT	-	58.518.720	58.518.720
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	328.440.000
Ban kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	297.360.000
Ông Đinh Xuân Cường		-	15.492.456	15.492.456
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	30.984.912	30.984.912
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	46.477.368	46.477.368
Cộng		1.297.560.00	405.054.576	1.702.614.576

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	20.037.804.706	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		
Mua nguyên vật liệu	7.861.149.454	5.793.715.455
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua nguyên vật liệu	858.247.228	1.271.727.271
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh		
Mua nguyên vật liệu	-	88.952.727
Công ty Cổ phần nhựa bao bì An Vinh		
Mua nguyên vật liệu	79.500.000	1.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.592.468.317	20.919.630.715	63.512.099.032
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.524.153.559)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.987.945.473
Doanh thu hoạt động tài chính			4.544.145.083
Chi phí tài chính			(13.984.261.231)
Thu nhập khác			83.802.682
Chi phí khác			(274.328.161)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.095.597.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.261.706.298
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	21.721.206.631
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.474.087.170	4.075.216.035	18.549.303.205
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	820.347.792.094	206.523.356.488	1.026.871.148.582
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	820.347.792.094	206.523.356.488	1.026.871.148.582
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.096.576.149	37.916.741.226	63.013.317.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(17.832.407.486)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			45.180.909.889
Doanh thu hoạt động tài chính			2.721.438.856
Chi phí tài chính			(12.385.842.770)
Thu nhập khác			70.328.425
Chi phí khác			(300.277.575)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.174.487.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.112.069.423
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	844.656.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.434.475.534	4.389.146.214	21.823.621.748
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	221.658.592.029	18.590.686.070	240.249.278.099
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			219.233.068.249
Tổng tài sản			459.482.346.348
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.150.400	814.668.947	828.819.347
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			308.466.929.407
Tổng nợ phải trả			309.295.748.754
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	208.147.482.266	21.080.008.006	229.227.490.272
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			204.745.099.491
Tổng tài sản			433.972.589.763
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	62.150.400	1.375.475.820	1.437.626.220
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			290.318.831.171
Tổng nợ phải trả			291.756.457.391

5a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

6. Số liệu so sánh

Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại các chỉ tiêu sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	972.466.548	972.466.548 (i)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.124.017.548	(972.466.548)	151.551.000 (i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	7.067.812.064	(68.609.513)	6.999.202.551 (ii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	73.967.213	(68.609.513)	5.357.700 (ii)

(i) Trình bày lại Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, số tiền: 972.466.548 VND;

(ii) Trình bày lại số chỉ quá quỹ phúc lợi, số tiền: 68.609.513 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

